

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 01 - 2025

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chi.

2. Ông Lê Phú Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Lý Huỳnh G, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Toàn V, sinh năm: 1989 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2024 và tại phiên tòa, Chị Trần Lý Huỳnh G là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh V tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G; thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, cuộc sống thường

cự cãi nhau và anh V thiếu trách nhiệm với vợ, con. Tháng 11/2022, chị và anh V sống ly thân với nhau cho đến nay, không còn quan tâm nhau.

Quá trình chung sống chị và anh V có hai người con chung là cháu Nguyễn Trần Xuân Q, sinh ngày 10/5/2016 và cháu Nguyễn Trần An N, sinh ngày 01/3/2019. Các con chung do chị chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị G yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh V. Về con chung: Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Trần Xuân Q, sinh ngày 10/5/2016 và cháu Nguyễn Trần An N, sinh ngày 01/3/2019; chị có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng, chị vẫn đảm bảo quyền thăm con cho anh V.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản làm việc ngày 08/01/2025, anh Nguyễn Toàn V là bị đơn có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trường hợp chị G cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý; anh và chị G đã sống ly thân với nhau gần 02 năm, cuộc sống của ai người đó lo.

Về con chung: Anh và chị G có 02 người con là cháu Q và cháu N. Anh đồng ý để chị G nuôi các con nhưng phải đảm bảo quyền thăm con cho anh, anh sẽ hỗ trợ nuôi con tùy theo khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do công việc nên anh đề nghị vắng mặt tại Tòa án.

Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ:

Trưởng ấp L, xã V, huyện G cung cấp thông tin như sau: Về nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị G và anh V thì Ban lãnh đạo không biết được; về điều kiện nuôi hai bên đều có đủ điều kiện để nuôi con.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị G và anh V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị G xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân với nhau, kể từ tháng 11/2022 cho đến nay, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tại phiên tòa, chị G cương quyết yêu cầu ly hôn; mặc dù anh V vắng mặt nhưng có ý kiến thống nhất ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của chị G và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh V.

Về con chung: Chị G xác định các con được chị chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, chị có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng; anh V đồng ý để chị Giao tiếp T nuôi các con chung. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Q (trên 07 tuổi) sống với mẹ. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị G được quyền nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh V không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Lý Huỳnh G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Toàn V đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh V là bị đơn cư trú tại huyện G. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh V.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh V kết hôn năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 04/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Chị G xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống thường cự cãi nhau và anh V thiếu trách nhiệm với vợ, con. Tháng 11/2022, hai bên đã sống ly thân với nhau cho đến nay, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không có liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị G và anh V vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị G và anh V nhưng không đạt kết quả do anh V vắng mặt và có ý kiến thống nhất ly hôn, chị G xác định không còn tình cảm với anh V nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của chị G và anh V đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh V.

Về con chung: Chị G và anh V có hai người con chung là cháu Nguyễn Trần Xuân Q, sinh ngày 10/5/2016 và cháu Nguyễn Trần An N, sinh ngày 01/3/2019. Xét yêu cầu được quyền nuôi các con của chị G, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Giao xác định có thu nhập ổn định, cháu Q và cháu N được chị chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển về mọi mặt; mặc dù, anh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến đồng ý để chị G nuôi các con. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Q (trên 07 tuổi) muốn sống với mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị G được quyền nuôi dưỡng cháu Q và cháu N, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu. Anh V được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Lý Huỳnh G được ly hôn với anh Nguyễn Toàn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Xuân Q, sinh ngày 10/5/2016 và cháu Nguyễn Trần An N, sinh ngày 01/3/2019 cho chị Trần Lý Huỳnh G được quyền được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

Anh V được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Lý Huỳnh G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003150 ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; chị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Lý Huỳnh G có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2025). Anh Nguyễn Toàn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện Giồng Riềng;
- THA huyện Giồng Riềng;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát